



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 30/06/2022 là 110 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------|--|
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 31/05/2022 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 16/04/2018
Miễn nhiệm ngày 09/04/2022 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Huy Kiên | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bỏ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017
Miễn nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Ông Đoàn Xuân Linh | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017
Miễn nhiệm ngày 09/04/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 31/05/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Phạm Lan Anh Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 20/09/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 815/2022/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		758.999.464.743	392.385.799.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	62.732.023.889	66.795.281.732
1. Tiền	111		62.732.023.889	52.795.281.732
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	150.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		303.857.635.552	111.147.549.931
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	304.642.705.188	107.511.525.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.823.339.691	9.653.048.958
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	1.163.630.346	464.077.747
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.772.039.673)	(6.481.102.501)
IV. Hàng tồn kho	140	11	387.147.651.513	211.934.389.588
1. Hàng tồn kho	141		406.336.211.792	232.856.596.663
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.188.560.279)	(20.922.207.075)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.112.153.789	2.508.578.491
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	4.635.779.345	2.508.578.491
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	476.374.444	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.260.372.495	104.576.691.342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.497.769.898	22.222.369.898
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	22.497.769.898	22.222.369.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.820.905.999	5.297.822.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	64.094.251.615	4.264.544.912
- Nguyên giá	222		76.915.937.276	15.413.131.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.821.685.661)	(11.148.586.593)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	726.654.384	1.033.277.332
- Nguyên giá	228		1.839.737.688	1.839.737.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.113.083.304)	(806.460.356)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	48.270.131.372
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	-	48.270.131.372
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	770.000.000	770.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	770.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.171.696.598	28.016.367.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	27.171.696.598	28.016.367.828
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		874.259.837.238	496.962.491.084

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		611.714.276.324	237.649.705.909
I. Nợ ngắn hạn	310		606.153.385.263	232.088.814.848
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	363.828.394.674	73.044.110.758
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	20.859.754.637	4.531.261.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.604.003.931	2.609.619.942
4. Phải trả người lao động	314		5.321.778.900	6.072.284.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	70.751.650.619	40.720.472.394
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	696.603.668	841.704.873
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	129.112.320.157	89.451.379.659
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.978.878.677	14.817.980.454
II. Nợ dài hạn	330		5.560.891.061	5.560.891.061
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	5.560.891.061	5.560.891.061
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		262.545.560.914	259.312.785.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	262.545.560.914	259.312.785.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	155.131.558.902	137.287.474.589
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	17.140.475.739	31.751.784.313
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.140.475.739	31.751.784.313
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		874.259.837.238	496.962.491.084

Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	432.257.391.413	364.633.755.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	4.173.429.197	3.211.547.541
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		428.083.962.216	361.422.207.948
4. Giá vốn hàng bán	11	26	318.648.969.906	254.093.090.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		109.434.992.310	107.329.117.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	190.970.753	532.256.736
7. Chi phí tài chính	22	28	2.418.088.771	2.600.355.687
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.418.088.771	2.013.631.831
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	63.595.287.879	60.716.087.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	21.908.548.552	21.189.841.548
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.704.037.861	23.355.089.672
11. Thu nhập khác	31	30	41.243.000	-
12. Chi phí khác	32	31	-	284.436.495
13. Lợi nhuận khác	40		41.243.000	(284.436.495)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.745.280.861	23.070.653.177
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	4.604.805.122	6.285.088.467
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.140.475.739	16.785.564.710
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.534	1.503
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.534	1.503

Tổng Giám đốc


Ê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2022	năm 2021
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	247.281.275.552	177.487.269.095
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(233.391.578.907)	(220.886.864.865)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.165.462.522)	(15.082.343.812)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.071.318.117)	(1.791.609.833)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.205.689.613)	(3.582.161.438)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.759.113.016	6.814.793.365
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.831.134.104)	(15.361.379.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.624.794.695)	(72.402.296.768)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(13.232.674.399)	(3.442.642.607)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(150.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	190.970.753	532.289.514
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.191.703.646)	(2.910.353.093)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	138.006.918.696	159.768.815.283
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(98.345.978.198)	(103.899.474.862)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.907.700.000)	(12.980.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.753.240.498	42.888.820.421
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.063.257.843)	(32.423.829.440)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.795.281.732	79.812.470.557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	62.732.023.889	47.388.641.117

Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Đối với một số mặt hàng có thuế suất 10%, từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/02/2022 của Chính phủ.
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	2.730.509.658	229.027.579
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.001.514.231	52.566.254.153
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	14.000.000.000
Cộng	62.732.023.889	66.795.281.732

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	150.000.000	-
Cộng	150.000.000	-

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	14.270.293.462	12.691.755.048
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Lắk	31.747.622.485	6.722.004.295
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	65.696.875.599	112.167.465
Các đối tượng khác	192.927.913.642	87.985.598.919
Cộng	304.642.705.188	107.511.525.727

Trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu đã thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2022 là 70.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	12.856.623.595	2.085.679.115
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	222.080.000	272.080.000
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	13.654.305.995	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	2.972.792.093	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	65.696.875.599	112.167.465
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	4.619.347.450	377.384.664
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	5.601.142.992	1.873.013.875
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	4.003.332.271	3.463.675.635
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.920.814.708	1.980.854.558
Cộng		111.547.314.703	10.164.855.312

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nhà ở và Khu đô thị	-	4.476.512.200
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại VHS	-	1.660.384.800
Công ty CP Tư vấn Xây dựng VINCOSCO	-	1.375.210.300
Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục AES	1.028.662.240	-
Phải trả cho các đối tượng khác	4.794.677.451	2.140.941.658
Cộng	5.823.339.691	9.653.048.958

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.089.750.346	-	227.197.747	-
Ký quỹ, ký cược	73.880.000	-	236.880.000	-
Cộng	1.163.630.346	-	464.077.747	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	275.400.000	-
Cộng	<u>22.497.769.898</u>	<u>22.222.369.898</u>

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam-bên liên quan) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, tổng giá trị quyết toán công trình là 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.145.753.439	2.135.297.365
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.062.464.028	997.475.558
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.257.397.326	1.092.853.861
- Từ 3 năm trở lên	2.306.424.880	2.255.475.717
Cộng	<u>7.772.039.673</u>	<u>6.481.102.501</u>

11. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	51.088.753.295	866.774.539	57.326.090.695	926.674.940
Chi phí SX, KD dở dang	14.278.912.992	-	25.075.951.669	-
Thành phẩm	113.150.213.579	6.390.777.321	60.494.937.248	5.205.138.728
Hàng hóa	227.818.331.926	11.931.008.419	89.959.617.051	14.790.393.407
Cộng	<u>406.336.211.792</u>	<u>19.188.560.279</u>	<u>232.856.596.663</u>	<u>20.922.207.075</u>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2022 là 19.188.560.279 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho đã cầm cố thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2022 là 90.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	4.283.579.552	2.211.871.317
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	352.199.793	296.707.174
Cộng	4.635.779.345	2.508.578.491

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	4.092.066.667	4.581.666.667
Chi phí thuê đất (*)	23.079.629.931	23.434.701.161
Cộng	27.171.696.598	28.016.367.828

(*) Xem Thuyết minh số 38.

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	15.206.219	999.198.809	15.206.219	-	999.198.809
Thuế TNDN	-	1.205.689.613	4.604.805.122	2.205.689.613	-	3.604.805.122
Thuế TNCN	-	1.388.724.110	835.803.461	2.700.902.015	476.374.444	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	2.609.619.942	6.442.807.392	4.924.797.847	476.374.444	4.604.003.931

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	-	74.862.250	14.961.234.687	377.034.568	15.413.131.505
Mua sắm trong kỳ (*)	59.625.134.751	1.877.671.020	-	-	61.502.805.771
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	59.625.134.751	1.952.533.270	14.961.234.687	377.034.568	76.915.937.276
Khấu hao					
Số đầu kỳ	-	22.287.756	10.770.086.664	356.212.173	11.148.586.593
Khấu hao trong kỳ	480.623.026	81.541.427	1.100.523.417	10.411.198	1.673.099.068
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	480.623.026	103.829.183	11.870.610.081	366.623.371	12.821.685.661
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	52.574.494	4.191.148.023	20.822.395	4.264.544.912
Số cuối kỳ	59.144.511.725	1.848.704.087	3.090.624.606	10.411.197	64.094.251.615

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 8.618.011.284 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 60.965.595.400 đồng

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Khấu hao		
Số đầu kỳ	806.460.356	806.460.356
Khấu hao trong kỳ	306.622.948	306.622.948
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.113.083.304	1.113.083.304
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	1.033.277.332	1.033.277.332
Số cuối kỳ	726.654.384	726.654.384

- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công trình kho Tân Phú Trung	-	48.270.131.372
Cộng	<u>-</u>	<u>48.270.131.372</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2022		01/01/2022		
Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)			770.000.000	-	770.000.000	-
Cộng			770.000.000	-	770.000.000	-

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 30/06/2022. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Giấy CP	5.843.847.521	13.628.144.715
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	287.755.203.330	25.505.904.658
Công ty TNHH Giấy PVH	-	8.439.478.962
Phải trả cho các đối tượng khác	70.229.343.823	25.470.582.423
Cộng	<u>363.828.394.674</u>	<u>73.044.110.758</u>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	984.812.669
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	287.755.203.330	25.505.904.658
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	73.572.974
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	171.632.330	519.707.330
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	794.244.449	243.322.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	5.323.547.431	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5.218.980.367	3.139.314.196
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	4.565.639.128	5.302.859.608
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	461.110.787	2.633.303.958
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	531.202.300	688.140.990
Cộng		<u>304.821.560.122</u>	<u>39.090.938.833</u>

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	-	850.397.519
Công ty Cổ Phần Sách - Thiết Bị Giáo Dục Bình Dương	1.079.891.426	-
Đối tượng khác	19.779.863.211	3.680.864.321
Cộng	<u>20.859.754.637</u>	<u>4.531.261.840</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí phải trả về biên tập sách	4.066.203.694	4.059.196.420
Chi phí lãi vay phải trả	487.791.456	141.020.802
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	27.570.096.190	33.356.606.271
Chi phí phải trả khác	38.627.559.279	3.163.648.901
Cộng	70.751.650.619	40.720.472.394

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	577.186.257	439.033.971
Phải trả khác	119.417.411	402.670.902
Cộng	696.603.668	841.704.873

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	83.890.388.159	138.006.918.696	95.565.482.448	126.331.824.407
-Ngân hàng HSBC	52.544.170.162	89.329.322.365	64.219.264.451	77.654.228.076
-Ngân hàng Standard Chartered	12.544.709.130	34.138.377.955	12.544.709.130	34.138.377.955
-Ngân hàng HongLeong Bank	18.801.508.867	14.539.218.376	18.801.508.867	14.539.218.376
Vay dài hạn đến hạn trả	5.560.991.500	-	2.780.495.750	2.780.495.750
-Ngân hàng HSBC (*)	5.560.991.500	-	2.780.495.750	2.780.495.750
Cộng	89.451.379.659	138.006.918.696	98.345.978.198	129.112.320.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	11.121.882.561	-	2.780.495.750	8.341.386.811
- Ngân hàng HSBC (*)	11.121.882.561	-	2.780.495.750	8.341.386.811
Cộng	11.121.882.561	-	2.780.495.750	8.341.386.811
Vay dài hạn đến hạn trả	5.560.991.500			2.780.495.750
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.560.891.061			5.560.891.061

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160190CM ngày 15/10/2020, với hạn mức là 32.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (30/12/2020). Mục đích vay là để chi trả đến 50% chi phí xây dựng của công trình nhà kho Tân Phú Trung. Lãi suất được sử dụng là tổng của lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 tháng/3 tháng/6 tháng/12 tháng bằng VND do Công ty lựa chọn trong Thông báo rút vốn và lãi biên tối đa là 3%.

Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà kho sẽ được hình thành trong tương lai tọa lạc tại Lô A5-2, khu A5, đường D4 & N2, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc trả nợ gốc vay được thực hiện vào ngày đáo hạn, kỳ tính lãi có thời hạn 1 tháng.

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	103.615.017.025	1.886.452.483	46.652.977.564	240.541.520.862
Tăng trong năm	-	-	-	33.672.457.564	-	38.255.161.823	71.927.619.387
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	53.156.355.074	53.156.355.074
Số dư tại 31/12/2021	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	137.287.474.589	1.886.452.483	31.751.784.313	259.312.785.175
Số dư tại 01/01/2022	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	137.287.474.589	1.886.452.483	31.751.784.313	259.312.785.175
Tăng trong kỳ	-	-	-	17.844.084.313	-	17.140.475.739	34.984.560.052
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	31.751.784.313	31.751.784.313
Số dư tại 30/06/2022	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	17.140.475.739	262.545.560.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	7.282.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	728.200
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	9.271.800
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	31.751.784.313	46.652.977.564
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	17.140.475.739	38.255.161.823
Phân phối lợi nhuận	31.751.784.313	53.156.355.074
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	31.751.784.313	46.652.977.564
- Trích quỹ đầu tư phát triển	17.844.084.313	33.672.457.564
- Chia cổ tức cho cổ đông	13.907.700.000	12.980.520.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	6.503.377.510
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.590.619.419
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	-	1.912.758.092
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.140.475.739	31.751.784.313

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 18/BBĐHCĐ-SED ngày 09/04/2022.

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 15% (tương ứng 13.907.700.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng: 16/05/2022, ngày thực hiện chi trả: 08/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	351.204.511.244	254.482.279.924
Doanh thu sách tham khảo	71.053.594.025	99.040.808.414
Doanh thu khác	9.999.286.144	11.110.667.151
Cộng	432.257.391.413	364.633.755.489

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hàng bán bị trả lại	4.173.429.197	3.211.547.541
Cộng	4.173.429.197	3.211.547.541

26. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	261.771.995.463	183.646.047.233
Giá vốn sách tham khảo	49.531.210.247	60.403.857.757
Giá vốn sản phẩm khác	9.079.410.992	10.083.322.703
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.733.646.796)	(40.137.016)
Cộng	318.648.969.906	254.093.090.677

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi	190.970.753	532.256.736
Cộng	190.970.753	532.256.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí lãi vay	2.418.088.771	2.013.631.831
Chiết khấu thanh toán	-	586.723.856
Cộng	2.418.088.771	2.600.355.687

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí vận chuyển	7.090.554.385	5.840.745.970
Tiền lương và các khoản trích theo lương	9.178.796.529	9.732.882.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	908.597.847	737.726.473
Chi phí mua ngoài	37.441.663.677	35.776.503.770
Các khoản khác	8.975.675.441	8.628.228.135
Cộng	63.595.287.879	60.716.087.100

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương và các khoản trích theo lương	6.886.143.642	7.047.949.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.071.124.169	1.134.472.375
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.290.937.172	1.569.496.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.425.264.251	4.883.246.095
Các khoản khác	5.235.079.318	6.554.677.046
Cộng	21.908.548.552	21.189.841.548

30. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Nhận tiền bảo hiểm hàng hóa	41.243.000	-
Cộng	41.243.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Các khoản truy thu thuế, phạt thuế	-	284.436.495
Cộng	-	284.436.495

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.745.280.861	23.070.653.177
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.278.744.751	1.550.104.385
Điều chỉnh tăng	1.278.744.751	1.550.104.385
- Chi phí không hợp lệ	1.070.700.000	929.400.000
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	208.044.751	336.267.890
- Chi phí phạt thuế	-	284.436.495
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	23.024.025.612	24.620.757.562
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.604.805.122	6.285.088.467
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.604.805.122	4.924.151.512
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1.360.936.955

33. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.140.475.739	16.785.564.710
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.913.880.876)	(2.853.546.001)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	2.913.880.876	2.853.546.001
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.226.594.863	13.932.018.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.271.800
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.534	1.503

(*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành dùng để điều chỉnh khi tính chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích kế hoạch quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.480.675.975	49.599.328.126
Chi phí nhân công	16.064.940.171	16.780.832.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.979.722.016	1.872.198.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.958.977.839	158.268.323.396
Chi phí khác bằng tiền	14.430.870.939	15.665.025.681
Cộng	252.915.186.940	242.185.708.381

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	363.828.394.674	-	363.828.394.674
Chi phí phải trả	70.751.650.619	-	70.751.650.619
Vay và nợ thuê tài chính	129.112.320.157	5.560.891.061	134.673.211.218
Phải trả khác	119.417.411	-	119.417.411
Cộng	563.811.782.861	5.560.891.061	569.372.673.922
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	73.044.110.758	-	73.044.110.758
Chi phí phải trả	40.720.472.394	-	40.720.472.394
Vay và nợ thuê tài chính	89.451.379.659	5.560.891.061	95.012.270.720
Phải trả khác	402.670.902	-	402.670.902
Cộng	203.618.633.713	5.560.891.061	209.179.524.774

Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.732.023.889	-	62.732.023.889
Đầu tư tài chính	150.000.000	770.000.000	920.000.000
Phải thu khách hàng	296.870.665.515	-	296.870.665.515
Phải thu khác	73.880.000	22.497.769.898	22.571.649.898
Cộng	359.826.569.404	23.267.769.898	383.094.339.302
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.795.281.732	-	66.795.281.732
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	101.030.423.226	-	101.030.423.226
Phải thu khác	236.880.000	22.222.369.898	22.459.249.898
Cộng	168.062.584.958	22.992.369.898	191.054.954.856

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng SGK, STK	-	197.695.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	-	18.180.072
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Phí hội thảo	13.243.741.296	-
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	-	23.375.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng SGK, STK	19.033.387.480	13.483.792.639
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng SGK, STK	23.026.810.272	15.432.231.853
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Cung ứng SGK, STK	14.400.523.040	9.694.952.626
Công ty CP Học liệu	Cung ứng SGK, STK	3.740.669.682	4.251.082.837
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. HCM	Cung ứng SGK, STK	84.345.664.160	62.403.079.261
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng SGK, STK, TBGD	8.993.714.236	9.701.033.827
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng SGK, STK	-	657.833.300
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng SGK, STK	6.615.385.030	3.842.233.024
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng SGK	-	1.287.250
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng SGK, STK	4.728.331.165	5.447.061.911
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK	944.575.130	2.046.192.886
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng STK	-	431.247.280
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK,STK	12.911.955.763	17.077.597.500
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Mua SGK,STK	293.147.869.125	174.741.733.087
	Phí tổ chức bản thảo		14.236.816.000
	Phí xuất bản	14.749.529.871	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK,STK	1.925.000	1.025.680.510
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	5.956.729.245	7.658.429.910
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Mua SGK,STK	13.612.724.348	21.920.549.719
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách bổ trợ, STK	1.929.950.056	2.202.963.820
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua SGK,STK	127.823.468	172.575.750
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua SGK,STK	3.306.600.000	9.628.352.170
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK,STK	2.788.367.652	5.087.999.052
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua SGK,STK	584.420.000	581.714.780
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua SGK,STK	-	642.748.899
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK,STK	542.644.480	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt

			6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lê Huy	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	24.000.000
		Thưởng	160.477.000	88.888.889
Đình Gia Lê	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	30.000.000
		Thưởng	167.912.000	88.888.889
Lê Phương Mai	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	18.000.000
		Thưởng	119.738.000	66.666.666
Bùi Thu Giang	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
		Thưởng	119.738.000	55.555.555
Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	-
		Thưởng	89.804.000	-
Nguyễn Phong Yên	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	-

d. Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.353.849.577	1.184.819.431

e. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát	99.825.000	51.777.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Cam kết thuê hoạt động

Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh với thời hạn thuê kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Phạm Lan Anh

Nguyễn Thị Phương